# ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA TỘC NGƯỜI THÁI Ở TÂY BẮC VIỆT NAM: TRUYỀN THỐNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI HIỆN ĐẠI

**Hà Thị Mai Hoa, Lò Mai Thoan, Cần Thị Tươi**
**Bộ Môn Tiếng DTTD, Khoa Bồi Dưỡng Trường Cao Đẳng Sơn La**

***Tóm tắt:*** *Nghiên cứu nhằm nhận diện đặc trưng văn hóa tộc người Thái ở Tây Bắc Việt Nam, phân tích sự duy trì, biến đổi và vai trò giáo dục. Phương pháp gồm phân tích tài liệu và khảo sát 45 học sinh, 20 giáo viên; sử dụng thống kê mô tả. Kết quả cho thấy giáo dục tập trung vào lễ hội, nghệ thuật, phong tục và trải nghiệm; ngôn ngữ, chữ viết, tri thức bản địa chưa được quan tâm tương xứng. Lễ hội và nghệ thuật được duy trì; ngôn ngữ, chữ viết và tri thức bản địa biểu hiện xu hướng suy giảm. Học sinh thể hiện thái độ tích cực về bản sắc nhưng thực hành văn hóa chưa ổn định. Nghiên cứu đề xuất tích hợp nội dung văn hóa, xây dựng môi trường thực hành thường xuyên và tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng.*

***Từ khóa:*** *văn hóa tộc người Thái; Tây Bắc Việt Nam; biến đổi văn hóa; giáo dục văn hóa; thực hành văn hóa; trao truyền văn hóa.*

# CULTURAL CHARACTERISTICS OF THE THAI ETHNIC GROUP IN NORTHWESTERN VIETNAM: TRADITION AND MODERN TRANSFORMATION

***Abstract:*** *This study aimed to identify the distinctive cultural features of the Thai ethnic group in Northwestern Vietnam and examine their continuity, transformation, and the role of education in cultural transmission. The study employed document analysis and a survey involving 45 students and 20 teachers; data were analyzed using descriptive statistics. The findings indicate that cultural education primarily emphasizes festivals, arts, customs, and experiential activities, whereas the Thai language, script, and indigenous knowledge receive comparatively limited attention. Festivals and artistic practices remain relatively well maintained, while language, writing, and indigenous knowledge show signs of decline. Students demonstrate positive attitudes toward their ethnic identity; however, their cultural practices remain inconsistent. The study recommends systematically integrating cultural content into the curriculum, establishing sustained environments for cultural practice, and strengthening collaboration among schools, families, and local communities.*

***Keywords:*** *Thai ethnic culture; Northwestern Vietnam; cultural transformation; cultural education; cultural practice; cultural transmission.*

*Nhận bài: 25/09/2026 Phản biện: 25/10/2026 Duyệt đăng: 28/10/2026*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây Bắc Việt Nam là địa bàn cư trú lâu đời của người Thái, với những đặc trưng về ngôn ngữ, chữ viết, nhà sàn, trang phục, ẩm thực, tổ chức bản – mường, tín ngưỡng, lễ hội, xòe, hát khắp và tri thức bản địa. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, đô thị hóa, di cư, giáo dục, du lịch và truyền thông số, các giá trị này biến đổi không đồng đều: trang phục chuyển dần sang sử dụng trong lễ hội, nhà sàn thay đổi vật liệu và công năng, tiếng Thái thu hẹp phạm vi sử dụng, một số nghệ thuật được phục hồi. Biến đổi vì vậy bao gồm cả thích nghi, tiếp biến và tái tạo, không chỉ là mai một. Nghiên cứu hướng tới nhận diện đặc trưng, biểu hiện và tác nhân biến đổi, chú ý khác biệt giữa thế hệ, nhóm Thái và địa bàn, từ đó đề xuất giải pháp bảo tồn phù hợp nhu cầu cộng đồng.

## II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

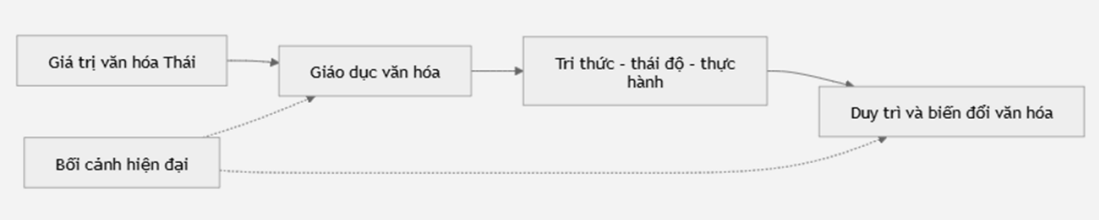
### 2.1. Các khái niệm về văn hóa tộc người Thái ở Tây Bắc Việt Nam

Văn hóa tộc người Thái là hệ thống giá trị vật chất, tinh thần và xã hội hình thành trong quá trình cư trú, thích nghi, thể hiện qua ngôn ngữ, chữ viết, bản – mường, nhà ở, trang phục, ẩm thực, nghề thủ công, gia đình, phong tục, tín ngưỡng, nghệ thuật và tri thức bản địa (Cầm Trọng & Phan Hữu Dật, 1995). Truyền thống là những giá trị, tri thức và thực hành được cộng đồng thừa nhận, trao truyền giữa các thế hệ, không nhất thiết giữ nguyên hình thức. Biến đổi văn hóa là thay đổi về hình thức, tần suất, chức năng, ý nghĩa hoặc phương thức trao truyền, được nghiên cứu qua bốn trạng thái: duy trì, thích nghi hoặc tái cấu trúc, phục hồi và suy giảm. Quá trình này diễn ra khác nhau giữa lĩnh vực, địa phương và thế hệ (Lường Hoài Thanh, 2022; Trần Quốc Bảo, 2024). Giáo dục văn hóa tộc người giúp thế hệ trẻ hiểu, trân trọng, thực hành và trao truyền văn hóa qua gia đình, cộng đồng, nhà trường và môi trường số. Nội dung, phương thức truyền đạt và bối cảnh xã hội có liên hệ với sự phát triển bản sắc thanh thiếu niên (Umaña-Taylor & Hill, 2020). Nghiên cứu xem xét sự tiếp nhận qua tri thức, thái độ và

thực hành; ba phương diện liên quan nhưng không đồng nhất.

**2.2. Khung nghiên cứu**

Khung gồm năm thành tố: giá trị văn hóa truyền thống; trao truyền qua giáo dục; tri thức, thái độ và thực hành của học sinh; trạng thái văn hóa hiện nay; bối cảnh hiện đại. Các lĩnh vực văn hóa Thái là cơ sở xây dựng nhóm câu hỏi, không phải những biến độc lập tách rời (Cầm Trọng & Phan Hữu Dật, 1995). Trao truyền diễn ra qua ông bà, cha mẹ, nghệ nhân, hoạt động cộng đồng, môn học, giáo dục địa phương, trải nghiệm và học liệu số; nhà trường giữ vai trò kết nối, không thay thế gia đình và cộng đồng (Umaña-Taylor & Hill, 2020). Tri thức phản ánh hiểu biết; thái độ thể hiện sự quan tâm, trân trọng; thực hành thể hiện việc sử dụng tiếng Thái và tham gia hoạt động văn hóa. Các phương diện không nhất thiết phát triển theo trình tự cố định vì còn phụ thuộc cơ hội tham gia. Bốn trạng thái văn hóa được xem xét theo từng lĩnh vực, tránh dùng một câu hỏi về "mai một" để đại diện toàn bộ văn hóa Thái (Lường Hoài Thanh, 2022; Trần Quốc Bảo, 2024). Sinh kế, giáo dục, di cư, đô thị hóa, giao lưu tộc người, du lịch và truyền thông số có thể tác động đến nội dung và cách trao truyền; số hóa cần gắn với sự tham gia của cộng đồng để duy trì ý nghĩa thực hành (Tan et al., 2026). Nghiên cứu dự kiến mức tiếp cận giáo dục có liên hệ với tri thức, thái độ và thực hành của học sinh, qua đó phản ánh một phương diện duy trì, biến đổi văn hóa; các mối liên hệ có thể khác nhau theo nhóm Thái, địa bàn, thế hệ, giới tính và mức tham gia văn hóa.



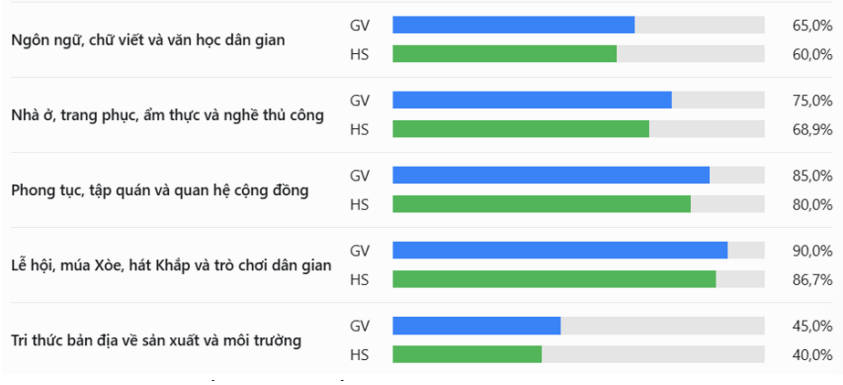

## III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu những tài liệu, văn bản có liên quan từ tài liệu chính thống. Các thông tin quan trọng sẽ được tổng hợp và phân loại, từ đó xây dựng cơ sở lý luận cho việc thiết kế các công cụ, phương pháp nghiên cứu phù hợp cho vấn đề nghiên cứu. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Mẫu nghiên cứu gồm 65 người, trong đó có 45 học sinh người Thái bậc trung học phổ thông cùng 20 giáo viên. Bảng hỏi giáo viên tập trung vào nội dung và phương pháp giáo dục văn hóa; bảng hỏi học sinh khảo sát tri thức, thái độ, thực hành và nhận thức về biến đổi văn hóa. Phỏng vấn được sử dụng để bổ sung và giải thích dữ liệu khảo sát. Dữ liệu được kiểm tra, làm sạch và mã hóa trước khi phân tích. Thống kê mô tả được sử dụng để tính tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Kết quả của giáo viên và học sinh được phân tích riêng, sau đó đối chiếu theo từng nội dung nghiên cứu.

## IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**4.1. Các yếu tố trong văn hóa tộc người Thái trong hoạt động giáo dục**

*Hình 1. Tỷ lệ giáo viên và học sinh tiếp cận các nội dung văn hóa Thái*




Kết quả ở Hình 1 cho thấy mức độ triển khai các nội dung văn hóa Thái có sự khác biệt tương đối rõ. Lễ hội, múa Xòe, hát Khắp và trò chơi dân gian là nhóm nội dung được triển khai phổ biến nhất, với 90,0% giáo viên và 86,7% học sinh xác nhận. Tiếp theo là phong tục, tập quán và quan hệ

cộng đồng, đạt 85,0% ở giáo viên và 80,0% ở học sinh. Kết quả này cho thấy hoạt động giáo dục hiện tập trung nhiều vào những nội dung có tính trực quan, biểu diễn và thuận lợi để tổ chức trong các hoạt động trải nghiệm. Nội dung về nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công đạt tỷ lệ tương đối cao, tương ứng 75,0% ở giáo viên và 68,9% ở học sinh. Trong khi đó, ngôn ngữ, chữ viết và văn học dân gian chỉ đạt 65,0% và 60,0%. Đáng chú ý, tri thức bản địa về sản xuất và môi trường có tỷ lệ thấp nhất, với 45,0% giáo viên và 40,0% học sinh lựa chọn. Điều này phản ánh sự mất cân đối giữa giáo dục các thành tố văn hóa có tính biểu trưng với giáo dục ngôn ngữ, chữ viết và tri thức bản địa.

**4.2. Mức độ và phương thức triển khai giáo dục văn hóa người Thái cho học sinh**

**Bảng 1. Mức độ triển khai giáo dục văn hóa Thái (N = 65)**

| Mức độ triển khai | Tần suất (f) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|
| Thường xuyên | 14 | 21.5 |
| Thỉnh thoảng | 33 | 50.8 |
| Hiếm khi | 14 | 21.5 |
| Chưa triển khai/chưa được tiếp cận | 4 | 6.2 |
| Tổng | 65 | 100 |

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy giáo dục văn hóa Thái đã được triển khai nhưng chủ yếu ở mức chưa thường xuyên. Trong tổng số 65 người tham gia khảo sát, 33 người (50,8%) đánh giá hoạt động này được tổ chức "thỉnh thoảng", chiếm tỷ lệ cao nhất. Số người đánh giá ở mức "thường xuyên" chỉ có 14 người, tương ứng 21,5%. Như vậy, mặc dù 72,3% người tham gia xác nhận hoạt động giáo dục văn hóa Thái được thực hiện từ mức thỉnh thoảng trở lên, tỷ lệ triển khai thường xuyên vẫn còn khá hạn chế. Bên cạnh đó, có 14 người (21,5%) cho rằng hoạt động giáo dục văn hóa Thái hiếm khi được tổ chức và 4 người (6,2%) chưa được tiếp cận. Tổng tỷ lệ ở hai nhóm này là 27,7%, cho thấy cơ hội tham gia và tiếp cận giáo dục văn hóa giữa các đối tượng chưa đồng đều.

**Bảng 2. Phương thức triển khai giáo dục văn hóa người Thái (N = 65)**

| Phương thức triển khai | Tần suất (f) | Tỷ lệ (%) | M | SD |
|---|---|---|---|---|
| Hoạt động trải nghiệm và ngoại khóa | 56 | 86,2 | 0,86 | 0,35 |
| Tích hợp trong các môn học | 48 | 73,8 | 0,74 | 0,44 |
| Giáo dục địa phương | 46 | 70,8 | 0,71 | 0,46 |
| Câu lạc bộ, hội thi và ngày hội văn hóa | 40 | 61,5 | 0,62 | 0,49 |
| Phối hợp với gia đình và cộng đồng | 31 | 47,7 | 0,48 | 0,50 |
| Sử dụng học liệu và phương tiện số | 24 | 36,9 | 0,37 | 0,49 |

Bảng 2 cho thấy trải nghiệm, ngoại khóa được lựa chọn nhiều nhất, với 56/65 người, đạt 86,2% (M = 0,86; SD = 0,35); tiếp theo là tích hợp môn học 73,8% (M = 0,74; SD = 0,44), giáo dục địa phương 70,8% (M = 0,71; SD = 0,46) và câu lạc bộ, hội thi, ngày hội văn hóa 61,5% (M = 0,62; SD = 0,49). Phối hợp gia đình, cộng đồng đạt 47,7% (M = 0,48; SD = 0,50); học liệu, phương tiện số thấp nhất, 36,9% (M = 0,37; SD = 0,49). Các phương thức khá đa dạng nhưng chủ yếu tập trung vào hoạt động trực tiếp và chương trình nhà trường, gợi ý cần mở rộng phối hợp và tiếp cận số. Sự tiếp nhận văn hóa Thái của học sinh mang tính chọn lọc, thể hiện qua tri thức, thái độ và thực hành: dễ nhận biết tiếng nói, nhà sàn, trang phục, ẩm thực, lễ hội, xòe và hát khắp nhưng hiểu biết về chữ viết, nghi lễ, lịch sử bản – mường và tri thức bản địa chưa hệ thống; trân trọng bản sắc nhưng lựa chọn giá trị phù hợp đời sống hiện đại; thường tham gia hoạt động văn hóa có tổ chức, trong khi thực hành tiếng, chữ Thái và tri thức bản địa hằng ngày chưa ổn định. Thái độ tích cực vì vậy chưa đồng nghĩa với thực hành thường xuyên.

**4.3. Thực trạng duy trì và biến đổi các thành tố văn hóa của người Thái**

**Bảng 3. Trạng thái duy trì và biến đổi các thành tố văn hóa của người Thái (N = 65)**

| Thành tố văn hóa | Duy trì ổn định, f (%) | Vừa duy trì vừa biến đổi, f (%) | Có xu hướng suy giảm, f (%) | M | SD |
|---|---|---|---|---|---|
| Ngôn ngữ, chữ viết và văn học dân gian | 14 (21,5) | 25 (38,5) | 26 (40,0) | 1,82 | 0,77 |
| Nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công | 16 (24,6) | 37 (56,9) | 12 (18,5) | 2,06 | 0,66 |
| Phong tục, tập quán và quan hệ cộng đồng | 23 (35,4) | 34 (52,3) | 8 (12,3) | 2,23 | 0,66 |
| Lễ hội, nghệ thuật và trò chơi dân gian | 31 (47,7) | 29 (44,6) | 5 (7,7) | 2,40 | 0,63 |
| Tri thức bản địa về sản xuất và môi trường | 11 (16,9) | 23 (35,4) | 31 (47,7) | 1,69 | 0,75 |

Kết quả cho thấy lễ hội, nghệ thuật và trò chơi dân gian có mức độ duy trì cao nhất, với 47,7% người tham gia đánh giá ở trạng thái tương đối ổn định và điểm trung bình đạt 2,40 (SD = 0,63). Phong tục, tập quán và quan hệ cộng đồng đứng tiếp theo với M = 2,23 (SD = 0,66). Văn hóa vật chất chủ yếu ở trạng thái vừa duy trì vừa biến đổi, chiếm 56,9%. Điều này cho thấy nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công vẫn được bảo lưu nhưng đã có sự điều chỉnh về vật liệu, hình thức sử dụng và chức năng trong đời sống hiện đại. Tri thức bản địa có mức độ duy trì thấp nhất, với M = 1,69 (SD = 0,75); gần một nửa số người tham gia nhận định thành tố này đang có xu hướng suy giảm. Ngôn ngữ, chữ viết và văn học dân gian cũng chịu sức ép biến đổi rõ rệt khi 40,0% người tham gia đánh giá ở mức suy giảm. Nhìn chung, những thành tố dễ tổ chức, trình diễn và gắn với sinh hoạt tập thể được duy trì tốt hơn, trong khi các thành tố cần được sử dụng thường xuyên trong gia đình và đời sống sản xuất có nguy cơ mai một cao hơn.

**4.4. Biện pháp tăng cường giáo dục và trao truyền văn hóa người Thái cho học sinh**

Nhà trường cần tích hợp có hệ thống văn hóa Thái vào Ngữ văn, Lịch sử, Nghệ thuật và Giáo dục địa phương, chú trọng tiếng nói, chữ viết, văn học dân gian, lịch sử bản – mường và tri thức bản địa. Hoạt động trải nghiệm cần gắn với thực hành, tạo sản phẩm và trình bày kết quả, tránh chỉ quan sát hoặc biểu diễn. Đồng thời, tăng cường sự tham gia của cha mẹ, người cao tuổi, người am hiểu văn hóa; duy trì câu lạc bộ tiếng, chữ Thái, hát Khắp, múa Xòe và nghề thủ công có hướng dẫn, phù hợp lứa tuổi. Đánh giá cần kết hợp tri thức, thái độ và thực hành, chú trọng khả năng sử dụng ngôn ngữ, tạo sản phẩm và vận dụng trong đời sống để điều chỉnh hoạt động giáo dục.

**V. KẾT LUẬN**

Văn hóa Thái ở Tây Bắc được duy trì và biến đổi không đồng đều: lễ hội, nghệ thuật và sinh hoạt cộng đồng được bảo lưu tương đối rõ; văn hóa vật chất thích ứng về hình thức, chức năng; tiếng, chữ Thái và tri thức bản địa có nguy cơ suy giảm. Giáo dục trong nhà trường còn thiên về trải nghiệm, trình diễn; học sinh trân trọng bản sắc nhưng tri thức chưa hệ thống, thực hành chưa ổn định. Cần tích hợp nội dung văn hóa, mở rộng trải nghiệm, phát triển học liệu song ngữ và phối hợp nhà trường – gia đình – cộng đồng. Do mẫu nhỏ và chủ yếu sử dụng thống kê mô tả, kết quả chưa đại diện cho toàn bộ cộng đồng người Thái ở Tây Bắc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cầm Trọng, & Phan Hữu Dật. (1995). Văn hóa Thái Việt Nam. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.

Lường Hoài Thanh. (2022, July 2). Vài nét về văn hóa dân tộc Thái trên địa bàn tỉnh Sơn La trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các dân tộc Tây Bắc, Trường Đại học Tây Bắc. https://ncvh.utb.edu.vn/index.php/trao-doi-nghien-cuu/nghien-cuu/270-vai-net-ve-van-hoa-dan-toc-thai-tren-dia-ban-tinh-son-la-trong-boi-canh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-hien-nay

Tan, Y.-C., Yang, L.-H., & Wang, B. (2026). Community-engaged digital safeguarding of intangible cultural heritage: A review of methods and challenges. npj Heritage Science, 14, Article 184. https://doi.org/10.1038/s40494-026-02458-y

Trần Quốc Bảo. (2024). Định hướng phát triển kiến trúc nhà ở dân tộc Thái vùng Tây Bắc phục vụ du lịch cộng đồng. Tạp chí Xây dựng, (3). https://tapchixaydung.vn/dinh-huong-phat-trien-kien-truc-nha-o-dan-toc-thai-vung-tay-bac-phuc-vu-du-lich-cong-dong-20201224000022595.html

Umaña-Taylor, A. J., & Hill, N. E. (2020). Ethnic–racial socialization in the family: A decade's advance on precursors and outcomes. Journal of Marriage and Family, 82(1), 244–271. https://doi.org/10.1111/jomf.12622